

TÀI LIỆU SẮC PHONG CỦA CÁC LÀNG XÃ VÙNG VEN BIỂN HUYỆN HẬU LỘC TỈNH THANH HOÁ

PHẠM VĂN TUẤN

Trong nghiên cứu làng Việt cổ truyền Việt Nam nói chung và làng Việt ở vùng ven biển nước ta nói riêng, các nhà nghiên cứu đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau và có những thành tựu nhất định để làm sáng tỏ quá trình hình thành, phát triển của làng xã. Trong phạm vi bài viết này, qua nguồn tài liệu sắc phong mới được sưu tầm ở 6 xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc, chúng tôi muốn tìm hiểu thêm về quá trình hình thành phát triển của làng xã ở đây, đồng thời trên cơ sở đó kết hợp với các nguồn tài liệu khác, cung cấp một diện mạo đầy đủ hơn về bộ mặt của làng Việt truyền thống ở vùng ven biển huyện Hậu Lộc cho đến trước Các mạng tháng Tám năm 1945.

I. VAI NÉT VỀ LÀNG XÃ VÙNG VEN BIỂN HUYỆN HẬU LỘC HIỆN NAY

Vùng ven biển huyện Hậu Lộc hiện nay bao gồm địa bàn 6 xã là: Đa Lộc, Ngư Lộc, Hưng Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc, Hoà Lộc trong tổng số 26 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Đây là vùng đất mà cư dân được hình thành từ hai nguồn: người Việt bản địa và người Việt từ nơi khác di cư đến. Người Việt bản địa có thể là hậu duệ của cư dân gốc Bái Cù (Hoà Lộc)- một di chỉ khảo cổ học của *Văn hoá Hoa Lộc*⁽¹⁾. Còn bộ phận người Việt di cư, được xem lớp cư dân đóng vai trò chính trong việc hình thành làng xã ở vùng này vốn có nguồn gốc từ

đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ nước ta lần lượt đến tụ cư qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau. Ngoài hai lớp cư dân trên, ở đây còn có thể có sự góp mặt của một bộ phận người Hán đã đến ở vùng đất này để lại những ngôi mộ thời Tiên Hán mà O. Jansé đã tìm thấy ở xã Hoà Lộc, được các nhà khảo cổ học gọi là *Văn hoá Lạch Trường*⁽²⁾. Như vậy, trong nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau, nhiều luồng dân cư đã đến hoà mình vào lớp cư dân bản địa, rồi trở thành cư dân bản địa. Cứ như thế, hết lớp này đến lớp khác, vùng cửa sông sầm uất này được hình thành từ dân cư nhiều miền hội tụ. Do đặc điểm như vậy nên tổ chức gia đình, dòng họ làng xã, phong tục tập quán của người Việt ở đây vừa có những đặc điểm chung của người Việt cả nước vừa có những nét riêng phù hợp với điều kiện địa lý và lịch sử hình thành. Về loại hình làng xã, bên cạnh những làng Việt cổ hình thành lâu đời, tồn tại cho đến ngày nay, còn có những làng được hình thành trong những lần khai hoang lấn biển sau này. Về đặc điểm kinh tế - xã hội, các làng này cũng rất đa dạng như *làng ngư nghiệp, làng diêm nghiệp* (làm muối), *làng bán nông bán ngư, làng nông nghiệp, làng công giáo*... Về phương diện hành chính, đến thời Nguyễn, cơ cấu tổ chức làng xã ở đây đã hình thành khá rõ nét và tồn tại cho đến nay. Hiện nay, làng xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc là một vùng dân cư đông đúc sầm uất trên nhiều phương diện (Bảng 1).

Bảng 1: Địa lý hành chính và dân cư của 6 xã ven biển huyện Hậu Lộc

TT	Tên xã	Tổng số làng (thôn)	Tên các làng (thôn)	Diện tích tự nhiên (ha)	Dân số
1	Đa Lộc	10	Mỹ Điền, Vạn Thắng, Đông Hoà, Đông Thành, Yên Đông, Ninh Phú, Đông Hải, Đông Tây, Yên Lộc, Hùng Thành	1.310,16	7.774 khẩu 1.744 hộ

2	Hưng Lộc	11	Phú Lương, Phú Nhi, Phú Vương, Tân Hưng, Hưng Bắc, Yên Hoà, Yên Thành, Yên Mỹ, Thái Hoà, Đông Hoà, Tây Hoà	532,54	11.5501 khẩu 2.240 hộ
3	Ngư Lộc	7	Bắc Thọ, Thắng Tây, Nam Vương, Thắng Lộc, Thắng Phúc, Thành Lập, Chiến Thắng	-	16.634 khẩu 2.800 hộ
4	Minh Lộc	9	Minh Hùng, Minh Thịnh, Minh Thắng, Minh Thọ, Minh Hải, Minh Đức, Minh Thành, Minh Phú, Minh Thanh	475,36	12.074 khẩu 2.400 hộ
5	Hải Lộc	8	Trường Nam, Y Bích, Lộc Tiên, Tân Lộc, Lạch Trường, Đa Phạn, Hưng Thái, Thắng Hùng	347,84	8.424 khẩu 1.635 hộ
6	Hoà Lộc	6	Bái Trung, Xuân Tiến, Tam Hoà, Phú Ngư (Hoà Ngư), Nam Hoàn, Tam Thắng	731,52	11.355 khẩu 2.615 hộ

2. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN TÀI LIỆU SẮC PHONG

Theo Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh thì *sắc phong* được hiểu là hình thức vua lấy chiếu sắc mà phong tước. Như vậy, sắc phong chỉ có thể là vua phong. Đối với các vị thần được phong sắc và nhân vật lịch sử được phong thần, *sắc phong là hình thức nhà vua biểu dương công tích, truy tặng phẩm hàm* (bao gồm cả thiên thần và nhân thần). Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, vùng ven biển huyện Hậu Lộc (thuộc 6 xã hiện nay) đã có 19 trong tổng số 35 đơn vị *xã, thôn, trang, sở* thuộc 2 tổng Liên Cừ và Xuân Trường của huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa⁽³⁾. Những làng xã đó là những đơn vị hành chính có quá trình hình thành và phát triển không đều nhau. Có làng có lịch sử 700 - 800 năm, trong khi có làng chỉ mới xuất hiện cách đây trên dưới 100 năm; thậm chí có làng mới được thành lập khoảng vài chục năm nay. Thường khi làng xuất hiện thì ít nhiều đều có vị thần linh để thờ phụng với ước muốn thần có thể che chở ban phúc cho cả dân làng được coi là vị thần bản mệnh. Theo thông lệ, tùy theo công trạng của thần (phù hộ, giúp dân) do các làng xã khai báo lên triều đình, bộ Lễ xem xét và cấp sắc phong theo thứ bậc. Có những vị thần được các triều vua phong đến hàng trăm sắc.

Thông thường, trước đây, các đạo sắc được bảo quản trong các hòm sắc bằng gỗ rất cẩn thận và để trong các hậu cung của các ngôi đền, ngôi đình. Hàng năm vào các dịp tế lễ: kỳ phúc, vào đám (tế thần thành hoàng làng), hoặc tế xuân - thu, lý trưởng sai vị chủ tế mang sắc phong ra đọc trong buổi tế thần để cho dân làng cùng nghe đồng thời qua đó nhắc nhở mọi người nhớ tới công đức của thần linh đối với dân làng.

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã khảo sát hầu hết các làng thuộc 6 xã vùng biển của huyện Hậu Lộc; sưu tầm sắc phong ở các loại hình làng như: làng ngư nghiệp (Diêm Phố, Ngư Lộc), làng muối (Y Bích, Hải Lộc) làng thuần nông nghiệp (Hưng Lộc), làng bán nông bán ngư (Hoà Lộc). Đến nay, chúng tôi đã sưu tầm được 45 đạo sắc, trong đó có 17 đạo sắc có niên đại thời Lê Trung Hưng từ niên hiệu Đức Long thứ 4 và thứ 5 (1633, 1634), đến Chiêu Thống thứ nhất (1787); 3 đạo sắc niên đại Quang Trung: Cảnh Thịnh thứ 4 (1796), Cảnh Thịnh thứ 8 (1800); 25 đạo sắc còn lại thời Nguyễn, niên đại sớm nhất là Minh Mạng thứ 5 (1824) và muộn nhất là Khải Định thứ 9 (1924). Riêng ở làng Y Bích xã Hải Lộc, tài liệu địa chí xã có nói đến một đạo sắc thời Trần niên hiệu Trưng Hưng (1285) phong cho vị thần ở Nghè Vích là Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương, nhưng trên thực tế

đạo sắc này không thấy trong số đạo sắc hiện có, do đó không có gì để kiểm chứng. Một đạo sắc khác thuộc nghề Vích mắt phân dậu và phân cuối nên cũng không xác định được niên đại và niên hiệu vua. Về hình thức văn bản, các đạo sắc trên được viết trên loại giấy bồi nhiều lớp, khổ lớn (có hình vuông kích thước mỗi cạnh 60 - 80cm). Bề mặt sắc màu vàng, trang trí hoa văn chìm hình tượng rồng trong vân mây. Trên mặt sắc chữ to, đẹp, chân phương có dấu son của nhà vua và ghi rõ thời gian niên hiệu vua phong sắc.

Nội dung của sắc phong, chủ yếu ghi danh hiệu, mỹ tự của từng vị thần được thờ cúng ở các làng, còn sự tích của thần chỉ ghi những nét

chung là có công với dân với nước. Về mặt ngôn ngữ, các sắc phong thời Lê ghi chép tỉ mỉ, cụ thể (một vị thần có đến gần 100 mỹ tự khác nhau), trong khi đó sắc phong thời Nguyễn thì ngôn ngữ văn tự đơn giản hơn, chỉ ghi duệ hiệu của thần và một vài mỹ tự. Nếu được gia phong từ bậc trung đẳng thần đến thượng đẳng thần thì nội dung cơ bản của văn bản sắc phong cũng không thay đổi nhiều. Cách ghi chép thông thường là nêu thần hiệu, nêu tên tuổi, quê quán hoặc gốc tích. Tiếp đó là sự việc nổi bật của thần là giúp vua diệt giặc, sau nữa là "thần hoá, linh thiêng ứng nghiệm" sắc cho dân làng xã sở tại lo việc thờ cúng (Bảng 2).

Bảng 2: Phân bố các đạo sắc ở các làng xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc

TT	Tên xã sau năm 1945	Tên làng, xã trước năm 1945 (được phong sắc)	Vị thần được thờ (hoặc mỹ hiệu)	Niên đại phong sắc (triều vua)	Nơi lưu giữ
1	Đa Lộc	Giáp Phú Thọ, xã Hanh Cù, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	Linh Phù Dực Bảo Trung Hưng Tổng Uy (Oai) Minh Phúc Thần, Tôn Thần	Ngày 25 tháng 2 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
2	Ngư Lộc	1. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc	Hoàng Cáp Dục Bảo Trung Hưng Thủy Phù, Phù Tang Cam Lâm Đại Đế Nẹ Sơn Đại Vương Thượng Đẳng Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
		2. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc	Thủy Phù Phù Tang Cam Lâm Đại Đế Thủy Tú Chúa, Hà Bá Linh Quan Đốc Sát, Cửu Giang Bát Hải Long Vương Tồi Linh Đại Vương, Nẹ Sơn, Tôn Thần	Ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 2 (1917)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
		3. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Bắc Bạc hiển hoá Trung Hưng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng, Tứ Vị Thánh Nương Thượng Đẳng Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú

		4. Xã Diêm Phố, huyện Hậu Lộc	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Tử Vị Thượng Đẳng Thần	Ngày 14 tháng 9 năm Thiệu Trị thứ 6 (1846)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
		5. Xã Diêm Phố, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc	Trừng Kham Dục Bảo Trung Hưng Nam Hải Cụ Tộc Ngọc Lân Tôn Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Phù thờ cá Ngư Ông thôn Ninh Phú
		6. Xã Thanh Bích, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An	Dũng Mẫn Nghiêm Dục Hằng Nghi Trưng Kham Sát Hải Đại Tướng quân Chi Thần	Ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887)	Nghè Diêm Phố thôn Ninh Phú
3	Hưng Lộc	1. Xã Phú Lương, huyện Thuận Lộc	Di Thị Hảo, Nghiêm Tả Đội Ưu Binh...	Ngày 26 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783)	Nhà thờ họ Đoàn làng Phú Lương
		2. An Lương	Đương Cảnh thành Hoàng An Lương Đại Vương (Lê Văn Minh)	Ngày 26 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1883)	Đền thờ Lê Văn Minh làng Kiến Long
		3. Thôn Hương Trung, xã Định Cản, huyện Hậu Lộc	Địch Cản Thành Hoàng Chi Thần	Ngày 13 tháng 12 năm Tự Đức thứ 3 (1850)	
4	Minh Lộc	1. Xã Trang Thung, Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đương Cảnh Thành Hoàng Sung Chung Dục Vạn Chương Hiến Linh Ứng Đại Vương Tôn Thần	Ngày 26 tháng 11 năm Thành Thái thứ 15 (1903)	Nhà thờ họ Nguyễn Đình làng Minh Thịnh
		2. Xã Trang Thung (Xuân) Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Dục Bảo Trung Hưng Linh Phủ, Bản Cảnh Thành Hoàng Kiến Ấp Tôn Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nhà thờ họ Nguyễn Đình làng Minh Thịnh
		3. Xã Trang Thung, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An	Bảo An chính Trục, Hộ Thiện Đôn Ngưng, Thành Hoàng Chi Thần	Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880)	Nhà thờ họ Nguyễn Đình làng Minh Thịnh
		4. Xã Yên Giáo, huyện Thuận Lộc	Quan Thị Hảo, Thị Trung Tả Kỳ Ưu Binh	Ngày 26 tháng 2 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783)	Nhà thờ họ Mai làng Minh Đức
		5. Thôn Phúc Thành, xã Khúc Phấn, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc	Trình Uyển Dục Bảo Trung Hưng, Hiến Hiệu Công Chúa Tôn Thần	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	Nghè Phúc Thành làng Minh Thành

		6. Xã Khúc Phấn, huyện Thuần Lộc	Hộ Quốc Tế Dân Phủ Hựu Thông Đức Vĩ Liệt Hồng Văn Đoàn Chính Huy Nhu Duệ Chính Ôn Cung Tráng Du Hoàng Nghị, Phủ Vận Tá Lý Long Khánh, Chiêu Hiều Diệu Toán Hoàng Mô Anh Quả Dũng Cẩm Duệ Thông Anh Uy Đại Vương	Ngày 21 tháng 5 năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796)	Nghề Phúc Thành làng Minh Thành
		7. Xã Khúc Phấn, huyện Thuần Lộc	Ngự Vĩ Hộ Quốc Tế Dân Phủ Huệ Thông Đức, Vĩ Liệt Hồng Huân Đoàn Chính Huy Nhu Duệ Chiết Ôn Cung Tráng Du Hoàng Nghị Phủ Vận Tá Lý Long Khánh Chiêu Hiều Diệu Toán Hoàng Mô Anh Quả Dũng Cẩm Đại Vương	Ngày 26 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783)	Nghề Phúc Thành làng Minh Thành
5	Xã Hải Lộc	-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 26 tháng 4 năm Phúc Thái thứ 5 (1648)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 17 tháng 7 năm Phúc Thái thứ 3 (1645)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 28/2 năm Phúc Thái thứ 7 (1649)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 19 tháng 2 năm Khánh Đức thứ 5 (1653)	UBND xã Hải Lộc
		-	Đại Càn Nam Hải Thần Chiêu...	Ngày 27 tháng 5 năm Đức Long thứ 5 (1634)	UBND xã Hải Lộc
		-	Đại Càn Nam Hải Thần Chiêu...	Ngày 29 tháng 3 năm Đức Long thứ 4 (1633)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 29 tháng 7 năm Dương Đức thứ 3 (1673)	UBND xã Hải Lộc
		-	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải	Ngày 29 tháng 7 năm Dương Đức thứ 3 (1673)	UBND xã Hải Lộc

		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải... Tứ Vị Thánh Nương	Ngày 11 tháng 9 năm Thịnh Đức thứ 5 (1658)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 16 tháng 6 năm Thịnh Đức thứ 3 (1656)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 29 tháng 11 năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1658)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 24 tháng 6 nhuận năm Chính Hoà thứ 4 (1683)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 10 tháng 8 năm Vĩnh Thịnh thứ 6 (1711)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 10 tháng 8 năm Vĩnh Thịnh thứ 6 (1711)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 22 tháng 3 năm Chiêu Thống Nguyễn Niên (1787)	UBND xã Hải Lộc
		-	(Sắc mất niên đại, phần đầu và phần cuối) Nội dung: Phong cho Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...		UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 18 tháng 4 năm Cảnh Thịnh thứ 8 (1797)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 24 tháng 1 năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771)	UBND xã Hải Lộc
		-	Chính Tôn Đại Càn Quốc Gia Nam Hải...	Ngày 21 tháng 5 năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796)	UBND xã Hải Lộc
	20. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc		Đại Càn Quốc Gia Nam Hải... Tứ Vị Thánh Nương	Ngày 13 tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 5 (1824)	UBND xã Hải Lộc

	21. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Tứ Vị Thượng Đẳng Thần	Ngày 24 tháng 3 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844)	UBND xã Hải Lộc
	22. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Tôn Thần	Ngày 13 tháng 12 năm Tự Đức thứ 3 (1850)	UBND xã Hải Lộc
	23. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiến Hoá Trang Huy Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thượng Đẳng Thần	Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880)	UBND xã Hải Lộc
	24. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiến Hoá Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thượng Đẳng Thần	Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909)	UBND xã Hải Lộc
	25. Xã Lộc Tiên, xã Y Bích, thuộc tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc	Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiến Hoá Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Tứ Vị Thánh Nương Thượng Đẳng Thần	Ngày 7 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)	UBND xã Hải Lộc
6	Hoà Lộc Xã Y Bích, Lộc Tiên	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Tứ Vị Thượng Đẳng Thần	Ngày 29 tháng 4 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844)	Chùa Cam Lộ

3. GIÁ TRỊ CỦA TÀI LIỆU SẮC PHONG ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU LÀNG XÃ CỔ TRUYỀN VEN BIỂN HẬU LỘC

Nguồn tài liệu sắc phong được lưu giữ, bảo quản tại địa phương được coi là tài sản riêng của từng làng, bởi nó liên quan đến đời sống tâm linh của họ. Đây là nguồn tài liệu có giá trị nhiều mặt trong nghiên cứu làng xã truyền thống. Chúng ta có thể đọc trong đó nhiều tri thức về làng Việt cổ truyền, chẳng hạn như nguồn gốc của sự phát triển làng xã, sự thay đổi diện cách, quan niệm về tín ngưỡng dân gian, tục thờ cúng thành hoàng ở một số làng... Trong các giá trị của tài liệu sắc phong có thể thấy rõ một số khía cạnh sau đây:

Về tín ngưỡng dân gian và tục thờ thành hoàng ở cư dân vùng biển

Tục thờ thần thành hoàng là một hiện tượng đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân ta từ xưa. Việc tạo dựng các nhân vật lịch sử hoặc người có công lao xây dựng làng làm thần thành hoàng của làng là hiện tượng phổ biến dưới triều nhà Lê sang triều nhà Nguyễn và nó trở thành một thông lệ: linh thiêng hoá một nhân vật lịch sử (con người thật) hoặc một hình tượng thiên nhiên (vật thiêng) thành biểu tượng tâm linh của làng được thờ tự truyền nối từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Kết quả khảo sát thực địa và tài liệu sắc phong cho thấy việc thờ thần thành hoàng có liên

quan, gắn bó với lịch sử mỗi làng, mỗi vùng đất. Ngoài những vị thần thành hoàng có công lập làng, lập ấp được thờ ở các làng như: *Đương Cảnh Thành hoàng An Lương Đại Vương Lê Văn Minh* ở làng Kiến Long, *Nguyễn Huy Thành* ở làng Phú Lương, *Địch Cán thành hoàng* ở thôn Hương Trung thuộc xã Hưng Lộc, *Trình Uyển Dực Bảo Trưng Hưng Hiến Hiệu Công Chúa* ở làng Minh Thành, *Quan Thị Háu Thị Trưng Tả Kỳ Ưu Bình* ở làng Minh Đức thuộc xã Minh Lộc... còn có 4 vị thần được thờ ở nhiều nơi thuộc vùng biển của Hậu Lộc là *Đông Hải Đại Vương, Nam Hải Đại Vương, Bát Hải Long Vương* và *Tứ Vị Hồng Nương*⁽⁵⁾. Đây là một hiện tượng rất đáng quan tâm vì là biểu hiện tín ngưỡng chung của cư dân toàn vùng ven biển của Hậu Lộc. Đặc biệt, trong đó *Bát Hải Long Vương* (thờ ở đền Nẹ Sơn - xã Ngự Lộc) được khái quát thành hình tượng thần biển - vị thần làm chủ của một vùng. Các sắc phong cho biết hầu hết các thôn, xã của vùng ven biển Hậu Lộc thờ phụng vị thần này. Đó là các thôn, xã: An Lương, Điện Đông, Thượng Diêm Phố, Đông Thịnh, Nam Khê, Xuân Thiên, Trường Trung, Hữu Nghĩa, Quán Phú, Trương Xá Nội, Lục Trúc, Y Bích, Lộc Tiên, An Hậu, Đông Bái, Trung Nam, Hắc Quý Giáp⁽⁵⁾. Mỗi làng xã không chỉ có một vị thần thành hoàng mà có từ hai đến năm, bảy vị thần được thờ. Vị chủ thần thường được gọi với cái tên là *"Đức Thánh Cả"* có liên quan đến tục rước và tế lễ của cả vùng. Sắc phong cũng cho ta biết công trạng của các thần trong việc phù giúp dân và được cấp sắc phong theo ba loại: Thượng Đẳng Phúc Thần - Trung Đẳng Phúc Thần - Hạ Đẳng Phúc Thần. Qua mỗi triều đại, sau mỗi lần làng khai báo, nếu các vị thần gia tăng công trạng giúp dân đều được ban cấp sắc phong nâng vị thứ và gia tăng mỹ tự⁽⁶⁾.

Góp phần bổ sung xác định nguồn gốc dân cư trong công cuộc khẩn hoang lập làng

Tại nhà thờ họ Nguyễn Đình ở thôn Minh Thịnh xã Minh Lộc còn 4 đạo sắc phong cho các vị thần ở huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Vị

thần có duệ hiệu *"Đông Mẫn Nghiêm Dực Hằng Nghị Trường Kham Sát Hải Đại Tướng Quân"* cho phép xã Thanh Bích, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An phụng thờ (1887). Ba vị thần khác có duệ hiệu là *"Đương Cảnh Thần Hoàng Sung Chung Dực Vận Chương Hiến Linh Ứng Đại Vương"*, *"Dực Bảo Trưng Hưng Linh Phù, Bản Cảnh Thành Hoàng Kiến Ấp Tôn Thần"*, *"Bảo An Chính Trực Hiệu Thiện Đông Ngưng, Thành Hoàng Chi Thần"*, cho phép xã Trang Thung (Xuân), huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An phụng thờ⁽⁷⁾. Các đạo sắc trên phản ánh quá trình cư dân ở xã Thanh Bích và xã Trang Thung thuộc huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đến vùng biển huyện Hậu Lộc sinh cơ lập nghiệp từ các thế kỷ trước. Họ đã mang theo sắc phong ở quê cũ đến vùng đất mới lập nhà thờ. Nhà thờ họ Nguyễn Đình ở làng Minh Thịnh, xã Minh Lộc là nơi thờ Nguyễn Xí vốn là thủy tổ và là một tướng tài của Lê Lợi quê ở Đông Thành, Nghệ An.

Góp phần xác định sự biến đổi địa danh và đơn vị hành chính

Từ thời Trần về trước, huyện Hậu Lộc có tên là Thống Bình, thời thuộc Minh (thế kỷ XIV) đổi là Thống Ninh thuộc Ái Châu, phủ Thanh Hoá, thời Hậu Lê được gọi là Thuận Hữu thuộc phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa⁽⁸⁾. Đến thời Lê Trung Hưng tránh tên húy của vua Lê Chân Tông mà huyện Thuận Hữu đổi thành Thuận Lộc⁽⁹⁾. Về sau lại đổi chữ Thuận thành chữ Phong gọi là huyện Phong Lộc. Đến năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) mới thay chữ Phong bằng chữ Hậu và gọi là huyện Hậu Lộc. Tên gọi đó tồn tại cho đến nay.

Theo sắc phong thì từ thời Lê Trung Hưng đến thời Nguyễn, địa danh một số làng, xã được biến đổi như sau:

- *Xã Phú Lương*, huyện Thuận Lộc [Theo niên đại sắc phong cho Đoàn Văn Thông ở nhà thờ họ Đoàn, xã Hưng Lộc có niên đại năm Cảnh Hưng thứ 44 (1733)]. Đời Nguyễn Gia Long (1802 -

1820) xã này có đơn vị hành chính là *tràng*; đến đời Nguyễn Đồng Khánh (1885-1887) gọi là xã Phú Lương. Hiện nay là làng Phú Lương thuộc xã Hưng Lộc.

- *Xã Yên Giáo* huyện Thuận Lộc [Theo sắc phong ở nhà thờ họ Mai, thôn Minh Đức, xã Minh Lộc có niên đại Cảnh Hưng thứ 44 (1783)]. Đời Gia Long (1802- 1820) cho đến đời Đồng Khánh (1885-1887) vẫn tồn tại xã An Giáo thuộc tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc. Nay là đất đai của xã Minh Lộc, một phần của Hưng Lộc và Hải Lộc.

- *Xã Khúc Phấn* huyện Thuận Lộc [Theo sắc phong ở Nghè Phúc Thành, làng Minh Thành, xã Minh Lộc có niên đại Cảnh Hưng thứ 44 (1783)]. Niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 4 (1796) đời vua Quang Trung vẫn giữ nguyên đơn vị hành chính xã Khúc Phấn. Đời Đồng Khánh (1885-1887), xã Khúc Phấn có 2 thôn là thôn Phúc Thành và thôn Đa Phạn. Hiện nay thôn Khúc Phấn thuộc xã Minh Lộc, còn thôn Đa Phạn thuộc xã Hải Lộc.

- *Thôn Hương Trung*, xã Địch Cản, huyện Hậu Lộc [Theo sắc phong ở đền thờ Lê Văn Minh, thôn Kiến Long, xã Hưng Lộc, có niên đại Tự Đức thứ 3 (1850)]. Đời Đồng Khánh (1885-1887), thôn Hương Trung thuộc xã Địch Cát. Như vậy, đến đời Đồng Khánh xã Địch Cản đã được đổi thành xã Địch Cát (xã Địch Cát thời kỳ này có 3 thôn là: Mỹ Điền, Mỹ Do và Hương Trung). Năm 1954 đổi là Kiến Long thuộc xã Hưng Lộc. Hiện nay, Kiến Long được chia làm 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà và Thái Hoà.

- *Xã Lộc Tiên* và *Y Bích*, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc [Theo các sắc phong ở Nghè Vích, xã Hải Lộc có niên đại Minh Mạng thứ 5 (1824), Thiệu Trị thứ 4 (1844), Tự Đức thứ 3 (1850) và 33 (1880), Duy Tân thứ 3 (1909), Khải Định thứ 9 (1924)]. Văn bia chùa Vích dựng năm 1689 ghi "Tam xã Hưng Công bi - Y Bích - Lộc Duyên - Tiên Xá". Như vậy, đơn vị hành chính lúc này gọi là xã. Đến đời Gia Long (1802-1820) xã Lộc Duyên sáp nhập với Tiên Xá

gọi là Lộc Tiên. Lúc này xã Y Bích và xã Lộc Tiên tồn tại dưới đơn vị hành chính cơ sở là hai thôn thuộc tổng Đăng Trường⁽¹⁰⁾. Từ đời vua Minh Mạng cho đến hết triều Nguyễn năm 1945, hai thôn Y Bích và Lộc Tiên được nâng thành đơn vị hành chính cấp xã (*nhất xã nhất thôn*). Hiện nay, Y Bích và Lộc Tiên là 2 làng trong tổng số 8 làng của xã Hải Lộc.

- *Xã Diêm Phố*, tổng Xuân Trường, huyện Hậu Lộc [Theo các sắc phong có niên đại Thiệu Trị thứ 6 (1846), Khải Định thứ 2 (1917) và thứ 9 (1924) ở nghè Diêm Phố phủ thờ các Ngự Ông, đền Nẹ Sơn thuộc xã Ngự Lộc]. Đời Gia Long (1802-1820) đến đời Đồng Khánh (1885-1888), đơn vị hành chính của Diêm Phố thời kỳ này vẫn là xã (*nhất xã nhất thôn*). Đơn vị hành chính này tồn tại cho đến năm 1945. Hiện nay Diêm Phố được đổi thành xã Ngự Lộc.

- *Giáp Phú Thọ* xã Hanh Cù, tổng Liên Cừ, huyện Hậu Lộc [Theo sắc phong ở nghè Hanh Cù thuộc xã Đa Lộc có niên đại năm Khải Định thứ 9 (1924)]. Đơn vị hành chính cơ sở lúc này dưới xã là *Giáp*. Điều này cũng cho thấy bộ máy chức dịch ở xã Hanh Cù đại diện bộ phận quản lý (sắc mục) dưới thời vua Khải Định gồm có *xã trưởng* và *giáp trưởng*.

*
* *
*

Từ nguồn tài liệu sắc phong ở vùng biển huyện Hậu Lộc được giới thiệu trên đây sẽ cung cấp thêm những dẫn chứng sinh động về việc thờ thần thành hoàng cũng như về quan niệm tín ngưỡng của cư dân vùng biển này, về nguồn gốc một số dòng họ đến vùng biển Hậu Lộc sinh cơ lập nghiệp, về sự biến đổi địa danh của các đơn vị hành chính. Ở một phương diện khác, những địa danh, những đơn vị hành chính thôn, trang, giáp, xã được nhắc đến trong các sắc phong ở từng thời kỳ lịch sử khác nhau cũng cho biết quá trình và quy mô biến đổi của các làng xã đương đại.

Tóm lại, sắc phong là một loại hình tư liệu văn bản độc đáo, là một nguồn tài liệu gốc có giá trị quan trọng trong nghiên cứu làng Việt truyền thống. Với tư cách đó, nguồn tài liệu sắc phong ở các làng xã vùng ven biển Hậu Lộc như đã giới thiệu trên đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để nhận diện tiến trình biến đổi cũng như hiện trạng làng xã người Việt ở vùng này.

Chú thích

1. *Văn hoá Hoa Lộc*: là một nền văn hoá khảo cổ thuộc thời đại kim khí, lấy tên từ địa điểm phát hiện đầu tiên năm 1973 thuộc xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, vùng đồng bằng ven biển phía bắc tỉnh Thanh Hoá.

2. *Văn hoá Lạch Trường*: đã được O. Janse, nhà khảo cổ học Thụy Điển khai quật tại các địa điểm Yên Hậu, Quý Giáp, Lục Trúc (xã Phú Lộc), Trường Trung, Nam Huân, Bái Trung (xã Hoà Lộc) thuộc khu vực Lạch Trường đã phát hiện rất nhiều mộ Hán. Khu vực này được xem là một nơi chiếm đóng quan trọng của quan lại nhà Hán.

3. Viện Nghiên cứu Hán nôm. *Đồng Khánh Địa dư chí*, Nxb Thế Giới, năm 2002.

4. *Bát Hải Long Vương*: được thờ ở đền Nẹ Sơn thuộc vùng biển huyện Hậu Lộc. Theo sách *Đại Nam Nhất thống chí*, Nẹ Sơn ở ngoài cửa biển Y Bích thuộc huyện Hậu Lộc, nổi lên hòn núi đá một ngọn cao vót, một mình giữa đồng biển, thuyền buồm qua lại, trông vào đấy mà biết được cửa biển Y Bích để vào đổ lại.

Vị thần Bát Hải Long Vương, theo sắc phong còn có đệ hiệu là: "Thủy Phủ Phù Tang Cam Lâm đại đến Thủy tú Chúa, Hà bá linh Quan, Đốc Sát Cửu Giang, Bát Hải Long Vương, tối linh Nẹ Sơn Tôn Thần". Đây cũng là vị thần được triều Nguyễn phong làm Thượng Đẳng Thần.

- *Nam Hải Đại Vương*: được thờ ở phủ thờ cá Ngư Ông (cá Voi) thuộc xã Diêm Phố (nay là xã Ngư Lộc). Thần có đệ hiệu là "Trùng Kham Dục Bảo Trung Hưng, Nam Hải Cự Lộc, Ngọc Lâu Tôn Thần". Cách đây đã rất lâu, có một con cá voi chết trôi dạt vào bờ được người dân vùng này vớt lên. Thịt cá được dân làng chôn cất theo một nghi lễ tôn kính, bộ xương đưa vào thờ ở phủ để làm Thần và gọi là đền Ông loại

phủ thờ cá Voi. Đây là vị thần biến được người dân vùng biển tôn sùng nường bóng để cầu mong biển che chở cho mình được yên lành, no đủ.

- *Tứ Vị Thánh Nương*: đây là vị nữ Thần. Thần tích là bốn mẹ con Hoàng hậu nước Nam Tống (Trung Quốc) vì nạn mất nước, nên trôi dạt sang phương Nam bằng đường biển. Thoát nạn, bốn mẹ con nương nhờ cửa chùa song bị sư ông sàm sỡ cưỡng bách, nên cả bốn mẹ con nhảy xuống biển tự tử, xác trôi vào cửa Cón, đệ hiệu là Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ vị Thánh Nương Thượng Đẳng Thần. Theo sách *Thanh Hoá chư thần lục* (triều Nguyễn) thì có 81 nơi thờ Tứ Vị Hồng Nương thuộc các xã vùng biển, các làng thuy cơ ven sông ở đồng bằng.

Nghè Diêm Phố là nơi thờ Chính Vị Thần Tứ Vị Thánh Nương của cư dân vùng ven biển huyện Hậu Lộc.

5. *Sắc Phong ở đền thờ Nẹ Sơn* xã Ngư Lộc. Ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 2 (1917)

6. *Các đạo sắc phong ở Nghè Vích*, xã Hải Lộc, từ thời Lê Trung Hưng đến triều Nguyễn.

7. *Các sắc phong cho các thần lưu giữ ở nhà thờ họ Nguyễn Đình*, thôn Minh Thịnh, xã Minh Lộc

- Sắc ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887)

- Sắc ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)

- Sắc ngày 26 tháng 11 năm Thành Thái thứ 15 (1903)

- Sắc ngày 26 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880)

8. Sách *"Thiên nam dư hạ tập"* thời Lê Hồng Đức (1470-1497) có ghi tên này. Dẫn theo sách *Địa chí Hậu Lộc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1990, tr. 11

9. Vua Lê Chân Tông tên là Hữu (1643-1649), nếu vì kiêng tên vua mà đổi Thuấn Hữu thành Thuấn Lộc thì tên Thuấn Lộc không thể có trước thời Lê Chân Tông. Do đó chữ Thuấn Lộc được ghi trong phần "Cẩn án" của sách *"Dư địa chí"* do Nguyễn Trãi viết (năm 1435) là không hợp lý. Sự không hợp lý này có lẽ do nhầm lẫn của người đời sau khi sao chép lại sách *"Dư địa chí"* của Nguyễn Trãi.

10. *Đồng Khánh Địa dư chí*, sdd.